

15can

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 283/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP
ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập,
tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về
thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.*

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng) thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là bộ), gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ (bao gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ và đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài);

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục, thuộc chi cục thuộc cục thuộc bộ;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Văn phòng thuộc bộ;”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã).”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3

“2. Tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập là việc sắp xếp, kiện toàn lại các đơn vị sự nghiệp công lập dưới các hình thức: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; hoặc điều chỉnh tên gọi, vị trí, chức năng, nhiệm vụ để hình thành đơn vị sự nghiệp công lập mới; chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5

1. Sửa đổi điểm b khoản 1 như sau:

“b) Đáp ứng đủ tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành (trừ đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn cấp tỉnh, cấp xã);”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là 15 viên chức (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, khi thành lập các đơn vị này thì số lượng người làm việc tối thiểu bao gồm viên chức và người làm chuyên môn, nghiệp vụ theo chế độ hợp đồng lao động được xác định theo Đề án thành lập.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài thì số lượng người làm việc xác định trong Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập được phê duyệt.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 6

“c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

Số lượng cấp phó của các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ được bố trí bình quân không quá 03 người trên một đơn vị.

Đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 (trừ các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ), khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị định này có từ 20 người làm việc là viên chức trở xuống được bố trí không quá 02 cấp phó; có trên 20 người làm việc là viên chức được bố trí không quá 03 cấp phó.

Đơn vị quy định tại điểm b, c khoản 1, khoản 3, điểm b, c, d khoản 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị định này được bố trí không quá 02 cấp phó. Đối với bệnh viện hạng I trở lên; đơn vị sự nghiệp y tế làm nhiệm vụ kiểm soát và phòng chống bệnh tật tuyến tỉnh hạng I trở lên; trường phổ thông có nhiều cấp học có quy mô từ 40 lớp trở lên thì được bố trí không quá 03 cấp phó.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9

“4. Cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đối với các đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của luật chuyên ngành;

b) Vụ tổ chức cán bộ thuộc bộ, cơ quan ngang bộ đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;

c) Cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

d) Văn phòng thuộc bộ, cơ quan ngang bộ đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

đ) Cơ quan thuộc Chính phủ đề xuất với bộ (cơ quan được Chính phủ phân công quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của cơ quan thuộc Chính phủ) đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

e) Tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này;

g) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của luật chuyên ngành;

h) Cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong ngành, lĩnh vực tương ứng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Riêng đối với đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực tổ chức bộ máy thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đề nghị thành lập đơn vị này.

i) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 2 Nghị định này;

k) Tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại điểm d khoản 4 Điều 2 Nghị định này;

1) Cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong ngành, lĩnh vực tương ứng quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định này.

Riêng đối với đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực tổ chức bộ máy thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan đề nghị thành lập đơn vị này.”

Điều 6. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 10

“d) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã: Hồ sơ đề nghị thành lập gửi lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã về ngành, lĩnh vực: nội vụ, tư pháp, kế hoạch - tài chính, cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức liên quan (nếu có).”

Điều 7. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 13

“d) Cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực tổ chức bộ máy thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã;”

Điều 8. Bổ sung Điều 18a

“Điều 18a. Chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập là việc chuyển thẩm quyền quản lý đối với đơn vị sự nghiệp giữa các cơ quan quản lý hoặc được phân cấp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập. Việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo nguyên tắc chuyển giao nguyên trạng đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ); giữa bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và giữa các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; giữa cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp xã và giữa các Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Hồ sơ thẩm định chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định được ký tên, đóng dấu của cơ quan đề nghị chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định;

b) Dự thảo Đề án chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan đề nghị chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng, gồm: Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc chuyển giao; thực trạng tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi chuyển giao; phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai, các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm gắn với chức năng, nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước của đơn vị và các vấn đề khác có liên quan khi thực hiện chuyển giao; các tài liệu có liên quan (giấy tờ đất đai, tài sản, kinh phí, nguồn nhân lực); các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có); phương thức chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập; các điều kiện và cam kết giao nhận đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có); trách nhiệm của các cơ quan thực hiện việc chuyển giao và nhận chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập; trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập được chuyển giao; các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

c) Dự thảo tờ trình chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập: Nội dung tờ trình chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện như đối với tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 9 Nghị định này;

d) Dự thảo văn bản của người có thẩm quyền quyết định chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định;

đ) Ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan, tổ chức nhận chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan về việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan;

h) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

4. Trình tự, thủ tục chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Cơ quan đề nghị chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập gửi các văn bản theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều này đến cơ quan, tổ chức nhận chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài

chính, bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan liên quan (nếu có) để lấy ý kiến tham gia bằng văn bản đối với việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Cơ quan đề nghị chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định khoản 3 Điều này đến Bộ Nội vụ để thẩm định.

c) Cơ quan đề nghị chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập trình người có thẩm quyền quyết định chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập, hồ sơ gồm: Tờ trình; đề án chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập; dự thảo văn bản của người có thẩm quyền quyết định chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập; văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan; các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

d) Việc thẩm định; xử lý hồ sơ và thời hạn giải quyết việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện như quy định đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Tổ chức thực hiện việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi có văn bản của người có thẩm quyền quyết định chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ pháp lý theo Đề án chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

b) Các cơ quan chuyển giao và nhận chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức ký Biên bản chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ cơ quan chuyển giao và nhận chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập; tên, địa chỉ đơn vị sự nghiệp công lập chuyển giao và các hồ sơ liên quan; phương thức chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập; các điều kiện và cam kết giao nhận đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có); trách nhiệm của các cơ quan thực hiện việc chuyển giao và nhận chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập, trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập được chuyển giao theo Đề án chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

c) Sau khi hoàn thành việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan chuyển giao lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản đến cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; gửi văn bản đến cơ quan có thẩm quyền giao biên chế để thực hiện việc điều chuyển biên chế viên chức theo quy định.

6. Về chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định việc áp dụng các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại khoản 3, khoản 4 Điều này để thực hiện chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc áp dụng các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại khoản 3, khoản 4 Điều này để thực hiện chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; giữa cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp xã và giữa các Ủy ban nhân dân cấp xã.”

Điều 9. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 19

“b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của luật chuyên ngành và đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của pháp luật.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21

“1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của luật chuyên ngành) và đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của pháp luật.”

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 24

“Điều 24. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định này (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của luật chuyên ngành) và đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của pháp luật;

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 4 Điều 2 Nghị định này (trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác); phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án theo Đề án được phê duyệt;

c) Quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

d) Chỉ đạo về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp xã, bảo đảm theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm c khoản 4 Điều 2 Nghị định này và đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của luật chuyên ngành;

b) Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và các đơn vị sự nghiệp công lập khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định này theo quy định của pháp luật; phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án theo Đề án được phê duyệt.”

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 27

“Điều 27. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị và các tổ chức bên trong của đơn vị có thể nhiều hơn số lượng so với quy định. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, đơn vị phải thực hiện số lượng cấp phó theo quy định tại Nghị định này.”

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 28

“Điều 28. Áp dụng quy định của Nghị định này đối với các đối tượng khác

1. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định việc áp dụng quy định tại Nghị định này trong lĩnh vực, phạm vi quản lý.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập được quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều 2 Nghị định này và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội căn cứ quy định của Nghị định này và các quy định của Đảng và của pháp luật có liên quan để áp dụng cho phù hợp.”

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

1. Bổ sung cụm từ “Đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lại trong trường hợp có ít nhất một trong các điều kiện sau:” sau tiêu đề của khoản 2 Điều 5.

2. Bổ sung cụm từ “Đơn vị sự nghiệp công lập giải thể trong trường hợp có ít nhất một trong các điều kiện sau:” sau tiêu đề của khoản 3 Điều 5.

3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 7; điểm d khoản 1 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 23.

4. Bỏ cụm từ “khoản 2” tại điểm c khoản 6 Điều 7, cụm từ “thanh tra” tại khoản 4 Điều 22.

5. Thay thế cụm từ “có đủ điều kiện quy định tại khoản 2” thành cụm từ “quy định tại khoản 1” tại điểm a khoản 6 Điều 7.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2025.

2. Bãi bỏ Điều 3 Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ, Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu cơ quan do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b). 70

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Thị Thanh Trà